

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 122/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/9/2023

*V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Chiêu Hùng.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Trịnh Văn Lộc

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 25/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/8/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm V, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh Lý Đ, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khóm V, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2023 cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày: Vào năm 2000, chị T có kết hôn với anh Lý Đ, có tổ chức kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là UBND phường V), thị xã V, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 18/09/2007. Trong những năm tháng đầu vợ chồng chị Thủy c sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2020 thì mất hạnh phúc do tính tình không hợp, thường hay tranh chấp cãi vã, anh Đ sống không chung thủy với vợ con có biểu hiện bên ngoài với người khác. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T có 03 người con chung là: Lý Văn Đ1 (giới tính: nam), sinh ngày 29/05/2001; Lý Văn Đ2 (giới tính: nam), sinh ngày 03/01/2002; Lý Bảo T1 (giới tính: nữ), sinh ngày 06/04/2014. Về tài sản chung: Tự thoả thuận. Về nợ chung: Không có nợ chung.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành, nên chị T có yêu cầu giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Lý Đ. Về con chung: Cháu Lý Văn Đ1 (giới tính: nam), sinh ngày 29/05/2001; Lý Văn Đ2 (giới tính: nam), sinh ngày 03/01/2002 đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu Lý Bảo T1 (giới tính: nữ), sinh ngày 06/04/2014, con đã lớn khôn, tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng. Nếu con sống với cha, chị T đồng ý và cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Nếu con sống với mẹ, chị T nhận nuôi con và không yêu cầu anh Đ thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ, nhưng anh Đ không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị T, đồng thời anh Đ cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh Đ, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh Đ theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 30/01/2023 chị Ngô Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Lý Đ có nơi cư trú tại khóm V, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T, nhận thấy chị T và anh Đ tự nguyện sống chung với nhau năm 2000, đến năm 2007 có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là UBND phường V), thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/9/2007. Quan hệ hôn nhân của chị T và anh Đ không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau

một thời gian chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị T nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên có nguyện vọng ly hôn. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị T và anh Đ có 03 con chung tên cháu Lý Văn Đ1 (giới tính: nam), sinh ngày 29/05/2001; Lý Văn Đ2 (giới tính: nam), sinh ngày 03/01/2002 hiện hai cháu đã thành niên. Đối với Lý Bảo T1 (giới tính: nữ), sinh ngày 06/04/2014 hiện đang do chị T nuôi dưỡng, tùy nguyện vọng của cháu T1 muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng và ý kiến trình bày của cháu T1 nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của cháu T1 không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Lý Bảo T1 (giới tính: nữ), sinh ngày 06/04/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Xét thấy, chị T hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Lý Văn Đ1 (giới tính: nam), sinh ngày 29/05/2001; Lý Văn Đ2 (giới tính: nam), sinh ngày 03/01/2002 hiện đã thành niên có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị T đối với bị đơn anh Lý Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Lý Đ.

- Về con chung: Giao con chung cháu Lý Bảo T1 (giới tính: nữ), sinh ngày 06/04/2014 cho chị Ngô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Anh Lý Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Bảo T1 của chị Ngô Thị T thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Đối với cháu Lý Văn Đ1 (giới tính: nam), sinh ngày 29/05/2001; Lý Văn Đ2 (giới tính: nam), sinh ngày 03/01/2002 hiện đã thành niên các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị T khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0007814, ngày 07/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy chị T đã thực hiện xong. Anh Lý Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND phường Vĩnh Phước;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng